

ĐỀ GỒM 2 PHẦN: PHẦN I – 12 CÂU TRẮC NGHIỆM; PHẦN 2 – 6 BÀI TỰ LUẬN

Phần I. Trắc nghiệm khách quan. (3,0 điểm)

Mỗi câu sau đây đều có 4 lựa chọn, trong đó chỉ có một phương án đúng. Hãy ghi phương án em cho là đúng nhất vào giấy làm bài kiểm tra.

Ví dụ: Câu 1: Em chọn phương án là câu A, em sẽ ghi là **Câu 1: A**.

Câu 1: (NB) Cho các số sau: 10 ; $\frac{4}{5}$; 0 ; -3 . Số nào là số nguyên âm

- A. 10 . B. 0 . C. -3 . D. $\frac{4}{5}$.

Câu 2: (NB) Tập hợp các số nguyên x thỏa mãn $-2 \leq x < 4$?

- A. $\{-2; -1; 0; 1; 2\}$. B. $\{-2; -1; 0; 1; 2; 3\}$.
C. $\{-1; 0; 1; 2; 3; 4\}$. D. $\{-1; 0; 1; 2; 3\}$.

Câu 3: (NB) Số đối của $a = 12$ là

- A. 8 B. 0 C. -8 D. -8 và 8

Câu 4: (NB) Trong các khẳng định sau, khẳng định nào đúng?

- A. $-17 > 0$ B. $-17 = 17$ C. $-17 < 0$ D. $-17 > 17$

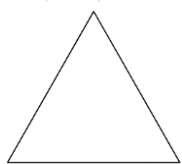
Câu 5: (NB) Cho hai số nguyên $a = -18$ và $b = 3$. Chọn khẳng định đúng.

- A. b là bội của a . B. a là ước của b .
C. b chia hết cho a . D. a là bội của b .

Câu 6: (NB) Trong các số: 18 ; -15 ; 3 ; -1 , số nào chia hết cho -6 .

- A. 18 B. -15 C. 3 D. -1

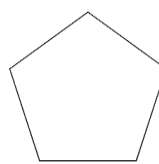
Câu 7: (NB) Trong các hình sau, hình nào là hình lục giác đều?



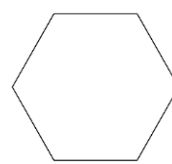
Hình 1



Hình 2



Hình 3

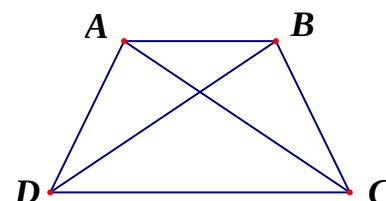


Hình 4

- A. Hình 1 B. Hình 2 C. Hình 3 D. Hình 4

Câu 8: (NB) Cho hình thang cân ABCD. Khẳng định nào sau đây đúng?

- A. Hai cạnh bên AD và BC song song với nhau.
B. Hai cạnh đáy AB và DC song song với nhau.
C. Hai đường chéo AC và BD vuông góc với nhau.
D. Hai cạnh đáy AB và DC bằng nhau.



Câu 9: (NB) Số học sinh vắng trong một ngày của các lớp khối 6 của một trường THCS được ghi lại trong bảng dữ liệu sau:

6/1	6/2	6/3	6/4	6/5	6/6	6/7
1	0	-3	1	2	3	K

Trong bảng dữ liệu trên, thông tin nào chưa hợp lý?

- A. -3 và K B. K C. 0 D. -3

Câu 10: (NB) Kết quả điểm kiểm tra môn Toán của học sinh lớp 6A được cho trong bảng sau:

Điểm	4	5	6	7	8	9	10
Số học sinh đạt	2	8	9	10	9	5	2

Điểm số nào có nhiều bạn trong lớp 6A cùng đạt được nhiều nhất?

- A. 5 B. 6 C. 7 D. 8

Câu 11: (NB) Số máy cày của 5 xã được ghi nhận như bảng sau:

Xã	Số máy cày
Xã A	   
Xã B	  
Xã C	 
Xã D	  
Xã E	  

( = 10 máy cày;  = 5 máy cày)

Số máy cày của xã E là:

- A. 15 máy. B. 25 máy. C. 30 máy. D. 40 máy.

Câu 12: (NB) Biểu đồ tranh dưới đây cho biết thông tin về các môn học yêu thích của các bạn học sinh lớp 6A.

Môn học	Số học sinh
Ngữ văn	☆ ☆ ☆ ☆
Toán	☆ ☆ ☆ ☆ ☆ ☆ ☆
Lịch sử - Địa lý	☆ ☆ ☆ ☆
Khoa học tự nhiên	☆ ☆ ☆ ☆ ☆
☆ : 2 học sinh	

Môn học nào được các bạn học sinh lớp 6A yêu thích nhiều nhất?

- A. Ngữ văn. B. Toán. C. Lịch sử - Địa lý. D. Khoa học tự nhiên.

Phần 2: Tự luận (7,0 điểm)

Bài 1 (1,0 điểm):

a) (VD) Thực hiện phép tính: $18.47 + 18.53 - 8^{26} : 8^{23}$

b) (VD) Tìm số tự nhiên x biết: $40 + (x - 15) = 8^2$

Bài 2 (1,5 điểm): Cho các số nguyên sau: 2; -3; 0; -2; 5.

a) (TH) Sắp xếp các số nguyên trên theo thứ tự tăng dần.

b) (TH) Biểu diễn các số nguyên đã cho trên cùng một trục số.

Bài 3 (1,0 điểm): (NB) Liệt kê bốn bội của số nguyên $a = -8$.

Bài 4 (1,0 điểm): (TH) Một mảnh đất hình vuông có chu vi là 96 m. Tìm độ dài cạnh của miếng đất hình vuông và tính diện tích của mảnh đất hình vuông trên.

Bài 5 (1,0 điểm): (VDC) Để chuẩn bị những phần quà nhằm tuyên dương các học sinh đạt danh hiệu học sinh xuất sắc, học sinh giỏi và học sinh tiến bộ vào cuối học kì 1, cô chủ nhiệm sử dụng một số cuốn tập để gói quà khen tặng cho học sinh. Nếu cô gói các phần quà gồm 6 cuốn; 8 cuốn và 12 cuốn thì vừa đủ. Hỏi cô phải sử dụng bao nhiêu cuốn tập. Biết rằng, cô có khoảng từ 180 đến 200 cuốn.

Bài 6 (1,5 điểm): Cửa hàng hoa quả sạch thống kê số lượng cam bán được trong các tuần của tháng 11 vừa qua như sau:

Tháng	Khối lượng cam bán được
Tháng 1	     
Tháng 2	    
Tháng 3	      
Tháng 4	   
 : 10 kg  : 5 kg	

a) (TH) Tính khối lượng cam cửa hàng hoa quả bán được trong tuần 2.

b) (VD) Em hãy cho biết số cam cửa hàng bán được trong tuần 2 và tuần 3 của tháng 11, tuần nào bán nhiều hơn và nhiều hơn bao nhiêu kilôgam (kg).

--- HẾT ---

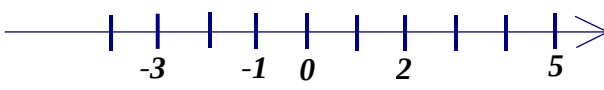
ĐÁP ÁN VÀ BIỂU ĐIỂM

Phần 1: Trắc nghiệm khách quan (3 điểm)

Mỗi đáp án đúng được 0,25 điểm.

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	C	B	A	C	D	A	D	B	A	D	B	B

Phần 2: Tự luận (7 điểm)

Bài	Đáp án	Điểm
1a	$18.47 + 18.53 - 8^{26} : 8^{23}$	
	$= 18.(47 + 53) - 8^3$	0,25
	$= 1288$	0,25
1b	$40 + (x - 15) = 8^2$	
	$x - 15 = 64 - 40$	0,25
	$x = 39$	0,25
2a	Sắp xếp các số nguyên trên theo thứ tự tăng dần: -3; -1; 0; 2; 5 Xếp đúng được vị trí -3; -1 được 0,25 Xếp đúng được vị trí 2; 5 được 0,25 Xếp đúng vị trí số dương trước số 0, số âm sau số 0 được 0,25	0,75
2b		0,75
3	Liệt kê 4 bội của -8	0,25x4
4	Độ dài cạnh miếng đất hình vuông: $96 : 4 = 24$ (m)	0,25+0,25
	Diện tích của miếng đất hình vuông: $24.24 = 576$ (m ²)	0,25+0,25
	Sai lời giải không chấm. Sai đơn vị đo trừ 0,25 toàn câu	
5	Gọi x là số cuốn tập cô phải sử dụng. ($x \in \mathbb{N}$)	
	Ta có: $x : 6$; $x : 8$; $x : 12$ và $180 \leq x \leq 200$	
	Nên $x \in \text{BC}(6, 8, 10)$	0,25
	$6=2.3$; $8=2^3$; $12=2^2.3$ $\text{BCNN}(6, 8, 12) = 2^3.3 = 24$	
	$\text{BC}(6, 8, 12)=\text{B}(24)=\{0; 24; 48; 72; 96; 120; 144; 168; 192; 216; \dots\}$	0,25
	Vì $180 \leq x \leq 200$ nên $x=192$	0,25
	Vậy số cuốn tập cô phải sử dụng là 192 cuốn	0,25
6	a) Khối lượng cam bán được trong tuần 2: $4.10+5=45$ (kg) Lời giải+đáp án đúng, thiếu phép tính -0,25	0,25+0,25
	b) Trả lời được tuần 3 bán được ít cam hơn tuần 2	0,25
	Khối lượng cam bán được trong tuần 3: $6.10 + 5 = 65$ (kg)	0,25
	Khối lượng cam tuần 3 bán được nhiều hơn tuần 2: $65 - 45 = 20$ (kg)	0,25+0,25

1A. KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ 1 TOÁN – LỚP 6

TT	Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá																Tổng % điểm
			Nhận biết				Thông hiểu				Vận dụng				Vận dụng cao				
			TN	TG	TL	TG	TN	TG	TL	TG	TN	TG	TL	TG	TN	TG	TL	TG	
1	Số tự nhiên (20 tiết)	Các phép tính với số tự nhiên. Phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên											2 1Đ	14p					20
		Tính chia hết trong tập hợp các số tự nhiên. Số nguyên tố. Ước chung và bội chung															1 1Đ	15p	
2	Số nguyên (14 tiết)	Số nguyên âm và tập hợp các số nguyên. Thứ tự trong tập hợp các số nguyên	4 1Đ	10p					2 1,5Đ	10p									40
		Các phép tính với số nguyên. Tính chia hết trong tập hợp các số nguyên	2 0,5Đ	5p	1 1Đ	4p													
3	Các hình phẳng trong thực tiễn (10 tiết)	Tam giác đều, hình vuông, lục giác đều	1 0,25Đ	2,5p															15
		Hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành, hình thang cân	1 0,25Đ	2,5p															
		Chu vi và diện tích một số hình trong thực tiễn							1 1Đ	5p									
4	Một số yếu tố thống kê (8 tiết)	Thu thập, phân loại, biểu diễn dữ liệu theo các tiêu chí cho trước	1 0,25Đ	2,5p															25
		Mô tả và biểu diễn dữ liệu trên các bảng, biểu đồ	3 0,75Đ	7,5p					1 0,5Đ	5p									
		Hình thành và giải quyết vấn đề đơn giản xuất hiện từ các số liệu và biểu đồ thống kê đã có											1 1Đ	7p					

Tổng: Số câu Điểm	12 3Đ	1 1Đ	0 0Đ	4 3Đ	0 0Đ	3 2Đ	0 0Đ	1 1Đ	12TN 9TL
Tỉ lệ %	40%		30%		20%		10%		100%
Tỉ lệ chung	70%				30%				100%

Chú ý: Tổng tiết : 52 tiết

1B. BẢN ĐẶC TẢ MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ 1 TOÁN – LỚP 6

TT	Chương/Chủ đề		Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Tập hợp các số tự nhiên	Các phép tính với số tự nhiên. Phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên.	Vận dụng: - Thực hiện được các phép tính: cộng, trừ, nhân, chia trong tập hợp số tự nhiên. - Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng trong tính toán. - Thực hiện được phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên; thực hiện được các phép nhân và phép chia hai lũy thừa cùng cơ số với số mũ tự nhiên. - Vận dụng được các tính chất của phép tính (kể cả phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên) để tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí. - Giải quyết được những vấn đề thực tiễn (<i>đơn giản, quen thuộc</i>) gắn với thực hiện các phép tính (ví dụ: tính tiền mua sắm, tính lượng hàng mua được từ số tiền đã có, ...).			2TL (TL1,2)	
		Tính chia hết trong tập hợp các số tự nhiên. Số nguyên tố. Ước chung và bội chung	Vận dụng cao: Vận dụng được kiến thức số học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn (<i>phức hợp, không quen thuộc</i>).				1TL (TL7)
2	Số nguyên	Số nguyên âm và tập hợp các số nguyên. Thứ tự trong tập hợp các số nguyên	Nhận biết: - Nhận biết được số nguyên âm, tập hợp các số nguyên. - Nhận biết được số đối của một số nguyên. - Nhận biết được thứ tự trong tập hợp các số nguyên. - Nhận biết được ý nghĩa của số nguyên âm trong một số bài toán thực tiễn.	4TN (TN1,2,3,4)			

			Thông hiểu: – Biểu diễn được số nguyên trên trục số. – So sánh được hai số nguyên cho trước.		2TL (TL3,4)		
		Các phép tính với số nguyên. Tính chia hết trong tập hợp các số nguyên	Nhận biết : – Nhận biết được quan hệ chia hết, khái niệm ước và bội trong tập hợp các số nguyên.	2TN (TN5,6) 1TL (TL5)			
3	Các hình phẳng trong thực tiễn	Tam giác đều, hình vuông, lục giác đều	Nhận biết: – Nhận dạng được tam giác đều, hình vuông, lục giác đều.	1TN (TN7)			
		Hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành, hình thang cân.	Nhận biết – Mô tả được một số yếu tố cơ bản (cạnh, góc, đường chéo) của hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành, hình thang cân. - Nhận dạng được hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành, hình thang cân.	1TN (TN8)			
		Chu vi và diện tích một số hình trong thực tiễn	Thông hiểu – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn (<i>đơn giản, quen thuộc</i>) gắn với việc tính chu vi và diện tích của các hình đặc biệt nói trên (ví dụ: tính chu vi hoặc diện tích của một số đối tượng có dạng đặc biệt nói trên,...).		1TL (TL6)		
4	Một số yếu tố thống kê	Thu thập, phân loại, biểu diễn dữ liệu theo các tiêu chí cho trước	Nhận biết: – Nhận biết được tính hợp lí của dữ liệu theo các tiêu chí đơn giản.	1TN (TN9)			
		Mô tả và biểu diễn dữ liệu trên các bảng, biểu đồ	Nhận biết: – Đọc được các dữ liệu ở dạng: bảng thống kê; biểu đồ tranh;	3TN (TN10,11,12)			
			Thông hiểu: – Mô tả được các dữ liệu ở dạng: bảng thống kê; biểu đồ tranh;		1TL (TL8)		
		Hình thành và giải quyết vấn đề đơn giản xuất hiện từ các số liệu và biểu đồ thống kê đã có	Vận dụng: – Giải quyết được những vấn đề đơn giản liên quan đến các số liệu thu được ở dạng: bảng thống kê; biểu đồ tranh.			1TL (TL9)	